

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/DS-ST

Ngày: 20-7-2017

“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến

2. Ngô Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2016/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33a/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam** – Trụ sở tại: Số 145 – 147 - 149 đường H, phường 2, thành phố T, tỉnh L.

Anh Trần Huy T trú tại số 10 đường Lý Tự T, phường B, quận 1, thành phố H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 395/2016/GUQ-PGĐK ngày 14/11/2016). Có mặt.

*** Bị đơn:** 1/ Anh **Trần Anh V** – Sinh năm: 1983 – Nơi ĐKKHKT: Tổ 74 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ theo đơn khởi kiện: 593 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

2/ Chị **Nguyễn Thị Hồng A** - Sinh năm: 1983 – Nơi ĐKKHKT: Tổ 74 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ theo đơn khởi kiện: Tổ 19 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2016, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh Trần Huy T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/10/2010 Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đà Nẵng đổi tên thành Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên XD Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng gọi tắt là Ngân hàng với anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A ký hợp đồng tín dụng tín chấp số 0133/210/HĐTD.CN.GTBDN để Ngân hàng cho anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A vay số tiền là 48.000.000đ, hình thức vay từng lần, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay là 1,14%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, trả gốc và lãi hàng tháng.

Trên cơ sở hợp đồng tín dụng tín chấp số 0133/210/HĐTD.CN.GTBDN ngày 15/10/2010 Ngân hàng với anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A ký khế ước nhận nợ số 0133/210/KUNN để anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A vay số tiền là 48.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay là 1,14%/tháng, lãi suất vay được điều chỉnh 06 tháng một lần theo lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, số nợ gốc phải trả của mỗi kỳ hạn trả nợ là 1.333.000đ, số nợ gốc phải trả của kỳ hạn trả nợ cuối cùng là 1.345.000đ.

Sau khi vay vốn anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A trả được số tiền là 10.767.550đ trong đó tiền gốc là 8.574.857đ và tiền lãi là 2.192.693đ, từ đó đến nay anh V và chị A không trả nợ cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh V và chị A phải thanh toán số tiền nợ trên.

Do vậy Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A phải thanh toán số tiền là 105.355.313đ trong đó tiền gốc là 39.425.143đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 20/7/2017 số tiền là 65.930.170đ gồm tiền lãi trong hạn là 15.151.397, tiền lãi quá hạn là 34.632.805đ và tiền lãi chậm trả là 16.145.968đ.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 21/7/2017 theo khế ước nhận nợ số 0133/210/KUNN ngày 15/10/2010 cho đến khi anh V và chị A thanh toán hết số tiền nợ.

Đối với chi phí đăng phát thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng số tiền là 3.997.000đ, anh Trần Huy T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ theo đơn khởi kiện mà Ngân hàng cung cấp của anh Trần Anh V tại 593 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và của chị Nguyễn Thị Hồng A tại tổ 19

phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, hiện nay tại hai địa chỉ này cả anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A đều không còn sinh sống.

Đồng thời Tòa án cũng tiến hành xác minh tại nơi anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A đã đăng ký hộ khẩu thường trú là tổ 74 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, tại địa chỉ này hiện nay anh V và Chị A cũng không sinh sống.

Do vậy Ngân hàng có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành đăng thông báo trên Báo nhân dân vào các ngày 6,7,8/4 /2017, trên Đài truyền hình Việt Nam tại Đà Nẵng vào các ngày 5,6,7/4/2017 và đồng thời đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng với nội dung: “ Ông Trần Anh V – Sinh năm: 1983 – Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 74 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ theo đơn khởi kiện: 593 Núi Thành, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và bà Nguyễn Thị Hồng A – sinh năm: 1983 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 74 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng đang ở đâu về ngay Tòa án nhân dân quận Hải Châu – 24 Hoàng Văn Thụ Đà Nẵng để giải quyết việc Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông V, bà A phải thanh toán số tiền 83.321.595đ.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên, nếu ông V, bà A không có mặt thì Tòa án nhân dân quận Hải Châu sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật”.

Sau thời gian đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định nhưng anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A vẫn không có mặt nên Tòa án không tổng đạt được thông báo thụ lý vụ án cũng như không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, anh V và chị A vắng mặt lần hai, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

A. Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam với anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A đã được Tòa án nhân dân quận Hải Châu đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng phát đầu tiên phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân

dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để giải quyết việc Ngân hàng khởi kiện nhưng anh V và Chị A vẫn không có mặt. Do vậy, việc không có mặt của anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ/HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 1 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

B. Về nội dung

[1]. Hợp đồng tín dụng tín chấp số 0133/210/HĐTD.CN.GTBDN ngày 04/10/2010 và khế ước nhận nợ số 0133/2010/KUNN ngày 15/10/2010 mà các bên đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ theo đúng các quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với các bên tham gia.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên XD Việt Nam, Hội đồng xét xử thấy:

Anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Áp dụng Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Ngân hàng không phải chứng minh các tình tiết, sự kiện do ngân hàng đưa ra.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 04/10/2010 anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A ký hợp đồng tín dụng tín chấp số 0133/210/HĐTD.CN.GTBDN, đến ngày 15/10/2010 anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A ký khế ước nhận nợ số 0133/210/KUNN để anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A vay số tiền là 48.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay là 1,14%/tháng, lãi suất vay được điều chỉnh 06 tháng một lần theo lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, số nợ gốc phải trả của mỗi kỳ hạn trả nợ là 1.333.000đ, số nợ gốc phải trả của kỳ hạn trả nợ cuối cùng là 1.345.000đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh V và chị A đã thanh toán được số tiền là 10.767.550đ, nên ngân hàng yêu cầu anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A còn phải thanh toán số tiền là 105.355.313đ trong đó tiền gốc là 39.425.143đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 20/7/2017 số tiền là 65.930.170đ gồm tiền lãi trong hạn là 15.151.397, tiền lãi quá hạn là 34.632.805đ và tiền lãi chậm trả là 16.145.968đ.

Do anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam, xử buộc anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A phải thanh toán số tiền nợ gốc là 39.425.143đ (Ba mươi chín triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn một trăm bốn mươi ba đồng) là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam, đối với lãi suất trong hạn là 1,14%/tháng và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn

trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tính đến ngày 20/7/2017 số tiền là 65.930.170đ (Sáu mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ngàn một trăm bảy mươi đồng) gồm tiền lãi trong hạn là 15.151.397, tiền lãi quá hạn là 34.632.805đ.

Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa anh V, chị A và Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện. Lãi suất trong hạn và quá hạn dựa trên sự thỏa thuận giữa hai bên, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận.

Anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thi Hồng A còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc được tính từ ngày 21/7/2017 theo khế ước nhận nợ số 0133/210/KUNN ngày 15/10/2010 cho đến khi anh V và chị A thanh toán hết số tiền nợ.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả với số tiền là 16.145.968đ (Mười sáu triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng), đây là số tiền phạt chậm trả trên số tiền lãi trong hạn mà Ngân hàng buộc anh V và chị A phải thanh toán. HĐXX thấy khi anh V và chị A không trả nợ gốc theo đúng phân kỳ thì phải chịu tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn do vậy theo quy định tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì yêu cầu này của Ngân hàng không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Đối với số tiền thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.997.800đ (Ba triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm đồng). HĐXX thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự thì người yêu cầu phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng, do vậy đối với số tiền này Ngân hàng phải chịu là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 của Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án trên số tiền phải thanh toán là 89.209.345đ x 5%.

[5] Ngân hàng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự trên số tiền không được chấp nhận là 16.145.968đ x 5%.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam buộc anh Trần Anh V và chị Nguyễn

Thị Hồng A phải trả số tiền là 89.209.345đ (Tám mươi chín triệu hai trăm lẻ chín ngàn ba trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 39.425.143đ và tiền lãi tạm tính đến ngày đến ngày 20/7/2017 số tiền là 65.930.170đ gồm tiền lãi trong hạn là 15.151.397, tiền lãi quá hạn là 34.632.805đ.

+ Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam buộc anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A phải trả số tiền chậm trả trên số tiền lãi trong hạn là 16.145.968đ (Mười sáu triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng các Điều 92, 227, 235 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam đối anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử: Buộc anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A phải thanh toán cho Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam số tiền là 89.209.345đ (Tám mươi chín triệu hai trăm lẻ chín ngàn ba trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 39.425.143đ và tiền lãi tạm tính đến ngày đến ngày 20/7/2017 số tiền là 65.930.170đ gồm tiền lãi trong hạn là 15.151.397, tiền lãi quá hạn là 34.632.805đ.

Anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc được tính từ ngày 21/7/2017 theo khế ước nhận nợ số 0133/210/KUNN ngày 15/10/2010 cho đến khi anh V và chị A thanh toán hết số tiền nợ.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam buộc anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A phải thanh toán số tiền chậm trả trên số tiền lãi trong hạn là 16.145.968đ (Mười sáu triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng).

2. Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền là 3.997.800đ (Ba triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm đồng) Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam phải chịu.

3. - Án phí dân sự sơ thẩm là 4.460.467đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng) anh Trần Anh V và chị Nguyễn Thị Hồng A phải chịu.

- Án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam phải chịu là 807.298đ (Tám trăm lẻ bảy ngàn hai trăm chín mươi tám đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam đã nộp là 2.083.000 (Hai triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng) tại biên lai thu số 5530 ngày 03.12.2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TM TNHH MTV XD Việt Nam số tiền là 1.275.702đ (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm lẻ hai đồng).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
 - Viện kiểm sát nhân dân
- quận Hải Châu, tp Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thu Ba